

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
SỞ TƯ PHÁP**

---***---



GIỚI THIỆU

**MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHÓA XVI VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CÁC CẤP, NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

(Số chuyên đề, tháng 01/2026)

Bắc Ninh, tháng 01 năm 2026

A. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ QUỐC HỘI, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ CỬ TRI

I. QUỐC HỘI

1. Quốc hội (Điều 69 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Hiến pháp năm 2013)

Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân.

Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội Việt Nam do cử tri cả nước trực tiếp bầu ra theo các nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội kéo dài 5 năm. Mỗi năm Quốc hội họp thường kỳ 2 lần (trừ trường hợp có tổ chức các phiên họp bất thường)

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội

Theo Điều 70 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1.1. Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật;

1.2. Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

1.3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

1.4. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước;

1.5. Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;

1.6. Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập;

1.7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao,

Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

Sau khi được bầu, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp;

1.8. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;

1.9. Quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật;

1.10. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội;

1.11. Quyết định đại xá;

1.12. Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước;

1.13. Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

1.14. Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội;

1.15. Quyết định trưng cầu ý dân.

Quốc hội quy định các vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất về hình thức và bản chất của Nhà nước; tôn trọng, bảo vệ, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Bên cạnh đó, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, đó là những chủ trương lớn, chính sách ngắn hạn và lâu dài của Đất nước.

Các cơ quan do Quốc hội thành lập và người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu, phê chuẩn phải chịu trách nhiệm, báo cáo công tác trước Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội.

3. Nhiệm kỳ của Quốc hội

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội là 05 năm, kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa sau. Trong trường hợp đặc biệt, nếu được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành thì Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của mình theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc kéo dài nhiệm kỳ của một khóa Quốc hội không được quá 12 tháng, trừ trường hợp có chiến tranh.

4. Đại biểu quốc hội

Theo Điều 79 Hiến pháp năm 2013: Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước.

Đại biểu Quốc hội liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn, giúp đỡ việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.

Đại biểu Quốc hội phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

5. Tiêu chuẩn Đại biểu Quốc hội

Tại Điều 22 Luật Tổ chức Quốc hội 2014, được bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức Quốc hội sửa đổi 2020 quy định về tiêu chuẩn Đại biểu Quốc hội như sau:

5.1. Có quốc tịch Việt Nam, trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

5.1a. Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

5.2. Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

5.3. Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội.

5.4. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

5.5. Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

6. Quyền của Đại biểu Quốc hội (Điều 80 Hiến pháp năm 2013)

- Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán Nhà nước.

- Người bị chất vấn phải trả lời trước Quốc hội tại kỳ họp hoặc tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội; trong trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội cho trả lời bằng văn bản.

- Đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời những vấn đề mà đại biểu Quốc hội yêu cầu trong thời hạn luật định.

II. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Tại Điều 113 Hiến pháp năm 2013

1.1. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

1.2. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân (theo khoản 4 Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Hội đồng nhân dân là 05 năm kể từ ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa đó đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới. Việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Đại biểu hội đồng nhân dân

- Điều 115 của Hiến pháp năm 2013 quy định: Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật,

chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân. Người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị ở địa phương. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị này có trách nhiệm tiếp đại biểu, xem xét, giải quyết kiến nghị của đại biểu.

4. Tiêu chuẩn của đại biểu hội đồng nhân dân

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

- Chỉ có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

- Có trình độ học vấn, chuyên môn, đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân;

- Cư trú hoặc công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình là đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

5. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân

- Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và ít nhất mỗi năm một lần

báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân nơi mình là đại biểu, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

- Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của pháp luật. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết; đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết. Người có thẩm quyền giải quyết phải thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân trong thời hạn do pháp luật quy định. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đúng pháp luật, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại; khi cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

III. CỬ TRI

1. Cử tri là người có quyền bầu cử. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - là người có quốc tịch Việt Nam, tính đến ngày bầu cử (ngày 15 tháng 3 năm 2026), đủ 18 tuổi trở lên và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về bầu cử đều có quyền bầu cử.

Cử tri có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND (đủ 18 tuổi), quyền ứng cử (đủ 21 tuổi), được ghi tên vào danh sách cử tri và bỏ phiếu. Đồng thời, đây là trách nhiệm thiêng liêng của công dân: tham gia bầu cử để lựa chọn người đại diện xứng đáng, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước và đất nước phát triển, thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình

- Quyền của Cử tri:

Quyền Bầu cử: Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có quyền bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quyền ứng cử: Công dân Việt Nam đủ 21 tuổi trở lên, đáp ứng điều kiện luật định, có quyền ứng cử vào Quốc hội, HĐND.

Được ghi danh: Được ghi tên vào danh sách cử tri tại nơi thường trú hoặc tạm trú (dù tạm trú dưới 12 tháng).

Được bảo đảm: Các quyền này được Hiến pháp và pháp luật bảo đảm thực hiện.

- Trách nhiệm của Cử tri:

Tham gia bầu cử: Nghĩa vụ công dân tham gia bầu cử đúng thời gian, địa điểm, đúng quy định.

Lựa chọn đại biểu: Bỏ phiếu bầu chọn người có đủ đức, đủ tài, có tâm, có tầm để đại diện cho mình.

Phản ánh ý kiến: Lựa chọn người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình; đại biểu có trách nhiệm thu thập và phản ánh ý kiến cử tri.

Góp phần xây dựng Nhà nước: Tham gia bầu cử là cách để xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Lưu ý: Mỗi cử tri chỉ được ghi tên và bỏ phiếu ở một nơi duy nhất. Thực hiện quyền bầu cử cũng đồng thời thực hiện nghĩa vụ công dân đối với Tổ quốc.

2. Cách tính tuổi công dân để ghi vào danh sách cử tri

Công dân từ đủ 18 tuổi tính đến ngày bầu cử 15 tháng 3 năm 2026, tức là có ngày sinh từ ngày 15 tháng 3 năm 2008 trở về trước thì được xác định là đủ tuổi để được ghi vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Cách tính tuổi công dân được thực hiện như sau:

- Tuổi của công dân được tính từ ngày, tháng, năm sinh ghi trong Giấy khai sinh đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã được ấn định (ngày 15 tháng 3 năm 2026). Trường hợp không có Giấy khai sinh thì căn cứ vào thông tin ghi trong Căn cước công dân, Hộ chiếu để tính tuổi thực hiện quyền bầu cử, ứng cử;

- Mỗi tuổi tròn được tính từ ngày, tháng sinh dương lịch của năm trước đến ngày, tháng sinh dương lịch của năm sau; - Trường hợp không xác định được ngày sinh thì lấy ngày 01 của tháng sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử. Trường hợp không xác định được ngày và tháng sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh làm căn cứ để xác định tuổi thực hiện quyền bầu cử và ứng cử.

3. Nguyên tắc lập danh sách cử tri:

Điều 29 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa, bổ sung năm 2025, quy định:

“1. Mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này.

2. Mỗi công dân chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

3. Cử tri là người tạm trú và có thời gian đăng ký tạm trú tại địa phương chưa đủ 12 tháng, cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

4. Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã xuất trình Hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam để được ghi tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (nếu xuất trình tại nơi đăng ký thường trú) hoặc bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nếu xuất trình tại nơi đăng ký tạm trú).

5. Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc”.

4. Những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri (theo Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa, bổ sung năm 2025- viết tắt là Luật Bầu cử):

4.1. Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

4.2. Người thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự thì được bổ sung vào danh sách cử tri và được phát thẻ cử tri theo quy định tại Điều 29 của Luật này.

4.3. Trong thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ, những người thay đổi nơi thường trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; những người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

4.4. Cử tri được quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật này, nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội

đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoặc được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi đăng ký tạm trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

4.5. Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên người đó trong danh sách cử tri và thu hồi thẻ cử tri.

5. Niêm yết danh sách cử tri:

Chậm nhất là ngày 03/02/2026 (40 ngày trước ngày bầu cử), cơ quan lập danh sách cử tri niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra (theo Điều 32 Luật Bầu cử).

IV. QUY TRÌNH VÀ CÁC BƯỚC TỔ CHỨC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI, ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP, NHIỆM KỲ 2026 - 2031

*** Thời gian tổ chức các hội nghị hiệp thương bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031**

- Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất được tổ chức từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025 (Điều 1 và Điều 4).

- Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 02 tháng 02 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2026 (Điều 17 và Điều 19).

- Hội nghị hiệp thương lần thứ ba được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 20 tháng 02 năm 2026 (Điều 25 và Điều 27).

Thời gian hiệp thương được điều chỉnh sớm hơn các kỳ bầu cử trước để bảo đảm thống nhất với ngày bầu cử là ngày 15/3/2026. Trong đó, thời gian tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ hai chỉ trong 02 ngày, thời gian Hội nghị hiệp thương lần thứ ba sẽ trùng với thời gian nghỉ Tết cổ truyền Bính Ngọ của dân tộc (từ ngày 22/12 âm lịch đến ngày 04/01 Bính Ngọ).

*** Quy trình, các bước tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031**

Quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tiến hành theo 5 bước, bao gồm:

- Bước một: Tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025).

- Bước hai: Cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (trong khoảng thời gian từ ngày 17 tháng 12 năm 2025 đến ngày 25 tháng 01 năm 2026).

- Bước ba: Tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ hai để thoả thuận lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (trong khoảng thời gian từ ngày 02 tháng 02 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2026).

- Bước bốn: Tổ chức Hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 02 năm 2026 đến ngày 08 tháng 02 năm 2026).

- Bước năm: Tổ chức Hội nghị hiệp thương lần thứ ba để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 20 tháng 02 năm 2026).

B. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH SỐ 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN NGÀY 26/9/2025 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ VÀ ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MTTQ VIỆT NAM HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031 (SAU ĐÂY GỌI TẮT LÀ NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH 102)

*** TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ NHẤT ĐỂ THỎA THUẬN VỀ CƠ CẤU, THÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

I. VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

1. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

- Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở Trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở tỉnh, thành phố do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

2.1. Hội nghị cử chủ tọa trong Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với hội nghị hiệp thương ở trung ương) hoặc trong Ban

Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương) và Thư ký hội nghị.

2.2. Đối với hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương, đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày dự kiến về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Đối với hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở địa phương, đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình bày dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

2.3. Hội nghị thảo luận để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bảo đảm số dư người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

2.4. Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Điều chỉnh và hướng dẫn việc giới thiệu người ứng cử

- Căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, chậm nhất là ngày 15 tháng 12 năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiến hành điều chỉnh lần thứ nhất cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định tại Điều 40 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

- Trên cơ sở điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp

tổ chức hội nghị hiệp thương có trách nhiệm thông báo đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và hướng dẫn về nội dung, trình tự, thủ tục giới thiệu người ứng cử, làm hồ sơ ứng cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15) và Chương II của Nghị quyết này.

II. VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở mỗi cấp được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025 do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

- Hội nghị cử chủ tọa trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thư ký hội nghị.

- Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã trình bày dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước cùng cấp và của đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, các đơn vị hành chính cấp dưới hoặc thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã).

- Hội nghị thảo luận đề thỏa thuận cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), bảo đảm số dư người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Điều chỉnh và hướng dẫn việc giới thiệu người ứng cử

- Căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, chậm nhất là ngày 15 tháng 12 năm 2025, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã tiến hành điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo quy định tại Điều 51 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

- Trên cơ sở điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân từng cấp về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thông báo đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn về nội dung, trình tự, thủ tục giới thiệu người ứng cử, làm hồ sơ ứng cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 và Chương II của Nghị quyết này.

**** TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ HAI ĐỂ THỎA THUẬN LẬP DANH SÁCH SƠ BỘ NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

I. VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

1. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai

- Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 02 tháng 02 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2026.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai

2.1. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với hội nghị hiệp thương ở trung ương), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương) báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tình hình người tự ứng cử ở địa phương (nếu có).

2.2. Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội căn cứ vào các nội dung sau đây:

a) Tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội;

b) Kết quả điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Kết quả thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất;

d) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến;

đ) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

2.3. Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

2.4. Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử và kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú, nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương); nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

2.5. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

2.6. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 43 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

II. VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai

- Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở mỗi cấp được tổ chức trong thời gian từ ngày 02 tháng 02 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2026 do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai

2.1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), tình hình người tự ứng cử (nếu có).

2.2. Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân căn cứ vào các nội dung sau đây:

- a) Tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân;
- b) Kết quả điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- c) Kết quả thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất;
- d) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến;
- đ) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

2.3. Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

2.4. Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử và lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) của người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

2.5. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHDND-MT và Mẫu số 05/BCĐBHDND-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

2.6. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 53 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

III. TỔ CHỨC HỘI NGHỊ LẤY Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ TÍN NHIỆM CỦA CỬ TRI NƠI CƯ TRÚ ĐỐI VỚI NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Tổ chức hội nghị cử tri đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức họp với đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Quốc hội cư trú và đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử để hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri.

- Việc lấy ý kiến của hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử cư trú do Ban Thường 14 trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trao đổi với cơ quan, tổ chức, đơn vị có người được giới thiệu ứng cử để tổ chức hội nghị cử tri.

- Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội và cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 02 năm 2026 đến ngày 08 tháng 02 năm 2026 theo quy định tại Điều 45 và Điều 46 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các điều 2, 3, 4 của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15.

2. Tổ chức hội nghị cử tri đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

- Ngay sau hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức hội nghị hiệp thương chủ trì cuộc họp với thành phần gồm người phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới trực tiếp, đối với cấp xã mời Trưởng ban công tác Mặt trận trên địa bàn; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cư trú để hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với những người ứng cử có tên trong danh sách sơ bộ; hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Việc lấy ý kiến của hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử cư trú do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trao đổi với cơ quan, tổ chức, đơn vị có người được giới thiệu ứng cử để tổ chức hội nghị cử tri.

- Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 02 năm 2026 đến ngày 08 tháng 02 năm 2026 theo quy định tại Điều 54 và Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các điều 2, 3, 4 của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15.

3. Xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân

- Trách nhiệm xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định tại Điều 46 và Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Chậm nhất là ngày 08 tháng 02 năm 2026, việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải được tiến hành xong.

4. Điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội

Chậm nhất là ngày 05 tháng 02 năm 2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiến hành điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định tại Điều 47 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

***** TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ BA ĐỂ LỰA CHỌN, LẬP DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ TIÊU CHUẨN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

I. VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

1. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

- Hội nghị hiệp thương lần thứ ba được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 20 tháng 02 năm 2026.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập và chủ trì được thực hiện theo quy định tại Điều 48 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập và chủ trì được thực hiện theo quy định tại Điều 49 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 6 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

- Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với hội nghị hiệp thương ở trung ương), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh) báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

- Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp không thỏa thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

- Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; ở cấp tỉnh được thực hiện

theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2026.

II. VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

- Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở mỗi cấp được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 20 tháng 02 năm 2026 do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 56 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó 17 nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

- Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Trường hợp không thỏa thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người.

Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHQND-MT và Mẫu số 05/BCĐBHQND-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

- Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện theo quy

định tại khoản 1 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2026.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo quy định của Nghị quyết này.

- Hội nghị hiệp thương phải tổ chức bằng hình thức trực tiếp. Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai không thể tổ chức hội nghị hiệp thương bằng hình thức trực tiếp thì Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, quyết định việc tổ chức hội nghị hiệp thương bằng hình thức trực tuyến.

Trường hợp tỉnh, thành phố có địa bàn cấp xã ở miền núi, hải đảo có điều kiện đi lại khó khăn thì Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có thể xem xét, quyết định việc tổ chức hội nghị hiệp thương cấp tỉnh theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

- Việc tổ chức hội nghị hiệp thương bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến phải bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

C. MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP, NHIỆM KỲ 2026-2031

I. CHỈ THỊ SỐ 46-CT/TW NGÀY 16 THÁNG 5 NĂM 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ LÃNH ĐẠO CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 sẽ được tiến hành vào ngày 15/3/2026.

Cuộc bầu cử diễn ra trong thời điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vừa kết thúc thành công tốt đẹp; toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực phấn đấu triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta sau gần 40 năm đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và có ý nghĩa lịch sử to lớn trên mọi mặt đời sống, kinh tế - xã hội, song vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước ở Trung ương và địa phương theo hướng "tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả". Bối cảnh quốc tế và khu vực hiện đang có những thuận lợi và khó khăn đan xen, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải nỗ lực phấn đấu, đoàn kết thống nhất, chung

sức đồng lòng, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Cùng với đại hội đảng các cấp, cuộc bầu cử là dịp quan trọng để tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Vì vậy, việc lựa chọn, bầu ra những đại biểu tiêu biểu, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới là một nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong năm 2026.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 đạt kết quả cao, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những yêu cầu, nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử; bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân.

2. Lãnh đạo tốt công tác nhân sự, bảo đảm phát huy dân chủ gắn với sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ. Gắn kết quả nhân sự của đại hội đảng các cấp và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị giới thiệu những người tiêu biểu, có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, đủ tiêu chuẩn, có năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Không đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, bảo thủ, tư tưởng bè phái, cục bộ, địa phương; các đối tượng đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm, đã bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận không trung thực; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra những vụ, việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết nghiêm trọng.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bầu đủ số lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, chú trọng tới chất lượng; bảo đảm cơ cấu hợp lý về số đại biểu là người đang công tác ở cơ quan đảng, nhà nước, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc; tăng số lượng đại biểu chuyên trách, bảo đảm tỷ lệ người ứng cử là phụ nữ và người dân tộc thiểu số theo đúng quy định của Luật bầu cử; có tỷ lệ hợp lý đại biểu các tôn giáo, đại biểu tái cử, đại biểu trẻ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội, nghiệp đoàn trong sản xuất, kinh doanh.

4. Việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải bảo đảm theo đúng quy trình đã được pháp luật quy định và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương có thẩm quyền. Các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc tổ chức hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để mọi công dân thực hiện đầy đủ quyền ứng cử, bầu cử theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử; các quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; về vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước; về trách nhiệm, quyền hạn của người đại biểu nhân dân; về nghĩa vụ của công dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Động viên mọi cử tri tự giác, chủ động tham gia bầu cử, nghiên cứu kỹ về danh sách người ứng cử; mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu gương, đề cao tinh thần trách nhiệm, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia bầu cử.

6. Chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng các phương án bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; kịp thời giải quyết các khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật; ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng dân chủ, vi phạm pháp luật về bầu cử. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống mọi luận điệu xuyên tạc, âm mưu, hành động phá hoại cuộc bầu cử, lợi dụng bầu cử để gây rối mất an ninh trật tự. Có các phương án chủ động đối phó với những tình huống bất ngờ, thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử.

7. Các tỉnh ủy, thành ủy thành lập ban chỉ đạo để lãnh đạo toàn diện công tác bầu cử ở địa phương; làm tốt công tác giới thiệu người ứng cử; chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương.

8. Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các ban đảng ở Trung ương, Hội đồng bầu cử quốc gia, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Chỉ thị này; đồng thời, chủ động phối hợp chặt chẽ trong quá trình chỉ đạo, tổ chức bầu cử, bảo đảm để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 thành công tốt đẹp.

II. NGHỊ QUYẾT SỐ 106/2025/UBTVQH15 NGÀY 16/10/2025 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, PHÓ TRƯỞNG BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP XÃ VÀ VIỆC BỐ TRÍ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP XÃ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN TRÁCH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban, Ủy viên hoạt động chuyên trách của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp tỉnh); số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu nơi tổ chức cấp chính quyền địa phương (sau đây gọi là cấp xã); việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Nghị quyết này áp dụng đối với Hội đồng nhân dân tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã.

2.2. Các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã hình thành sau sắp xếp quy định tại Nghị quyết này bao gồm:

a) Các đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp quy định tại Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

b) Các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp quy định tại các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của các tỉnh, thành phố năm 2025.

2.3. Các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã không thực hiện sắp xếp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Số lượng, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã

3.1. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:

- Thành phố hình thành do sắp xếp 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 04 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

- Thành phố hình thành do sắp xếp 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

- Tỉnh hình thành sau sắp xếp có không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

- Đơn vị hành chính cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp có không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

3.2. Số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

3.2.1. Số lượng Phó Trưởng Ban của Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được quy định như sau:

a) Tỉnh, thành phố hình thành do sắp xếp 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 04 Phó Trưởng Ban;

b) Tỉnh, thành phố hình thành do sắp xếp 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 03 Phó Trưởng Ban.

3.2.2. Số lượng Phó Trưởng Ban của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được quy định như sau:

a) Trường hợp Ban Dân tộc được thành lập trên cơ sở Ban Dân tộc đã có của 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp thì có không quá 04 Phó Trưởng Ban;

b) Trường hợp Ban Dân tộc được thành lập trên cơ sở Ban Dân tộc đã có của 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp thì có không quá 03 Phó Trưởng Ban;

c) Trường hợp Ban Dân tộc được thành lập trên cơ sở Ban Dân tộc đã có của 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp thì có không quá 02 Phó Trưởng Ban.

3.2.3. Ban Đô thị của Hội đồng nhân dân thành phố hình thành sau sắp xếp có không quá 02 Phó Trưởng Ban.

3.2.4. Ở đơn vị hành chính cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp, mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có không quá 02 Phó Trưởng Ban.

4. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã

Hội đồng nhân dân cấp xã có 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

5. Số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã

- Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã được tính bình quân 02 Phó Trưởng Ban.

- Căn cứ quy mô diện tích tự nhiên, dân số, phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị, quy mô kinh tế, tình hình thực tiễn của địa phương và định hướng của Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân ở từng đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm tổng số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã của tỉnh, thành phố không vượt quá tổng số lượng tính theo khung bình quân quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách

6.1. Nguyên tắc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách

6.1.1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách đối với các chức danh sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- c) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân;
- d) Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân;
- đ) Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân.

6.1.2. Hội đồng nhân dân cấp xã có thể bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách đối với các chức danh sau đây:

- a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

- b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- c) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân;
- d) Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

6.1.3. Việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này và quy định của cấp có thẩm quyền.

6.1.4. Trường hợp bố trí Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này giảm tương ứng 01 người.

6.1.5. Trường hợp bố trí Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quy định tại Điều 4 và Điều 6 của Nghị quyết này giảm tương ứng 01 người.

7. Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách

- Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được tính bình quân 01 Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

- Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã được tính bình quân 01 Phó Trưởng Ban là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

- Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của từng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, số lượng Phó Trưởng Ban là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân cấp xã của các đơn vị hành chính trực thuộc, bảo đảm không vượt quá tổng số lượng Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và tổng số lượng Phó Trưởng Ban là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã hoạt động chuyên trách tính theo mức bình quân trong toàn tỉnh, thành phố.

- Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc thực hiện phụ cấp và chế độ, chính sách khác đối với chức danh Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua.

- Tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp trong năm 2025 theo Nghị quyết của Quốc hội mà có số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cuối nhiệm kỳ 2021 - 2026 nhiều hơn số lượng quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết

này thì đầu nhiệm kỳ 2026 - 2031 được giữ nguyên số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như cuối nhiệm kỳ 2021 - 2026. Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố phải có lộ trình để giảm dần số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để đến tháng 7 năm 2030 thì số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện đúng quy định tại Nghị quyết này, trừ trường hợp cấp có thẩm quyền có quy định khác.

- Việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội hoạt động chuyên trách thực hiện theo quy định của Luật Thủ đô.

III. NGHỊ QUYẾT SỐ 40/NQ-HĐBCQG NGÀY 29/9/2025 CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA QUY ĐỊNH MẪU VĂN BẢN HỒ SƠ ỨNG CỬ VÀ VIỆC NỘP HỒ SƠ ỨNG CỬ; NỘI QUY PHÒNG BỎ PHIẾU TRONG CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

Ngày 29/9/2025, Hội đồng bầu cử Quốc gia đã ký ban hành Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG, trong đó ban hành kèm theo Nghị quyết các mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 cụ thể sau:

1. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI

1.1. Thành phần Hồ sơ người ứng cử đại biểu Quốc hội gồm:

- (1) Đơn ứng cử (Mẫu 01/HĐBC-QH);
- (2) Sơ yếu lý lịch (Mẫu 02/HĐBC-QH);
- (3) Tiểu sử tóm tắt (Mẫu 03/HĐBC-QH);
- (4) Bản kê khai thu nhập, tài sản (Mẫu 09/HĐBC);
- (5) 02 ảnh chân dung màu nền trắng cỡ 4cm x 6cm (không bao gồm ảnh dán sơ yếu lý lịch, tiểu sử tóm tắt).

1.2. Địa điểm nộp hồ sơ:

- (1) Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở Trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nộp hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia (qua Tiểu ban nhân sự, Hội đồng bầu cử quốc gia, địa chỉ: Nhà Quốc hội, số 01 đường Độc Lập, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội);

(2) Người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội nộp hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố;

(3) Người ứng cử đại biểu Quốc hội trước khi nộp hồ sơ ứng cử theo quy định cần khai đơn ứng cử và tiểu sử tóm tắt trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Số lượng hồ sơ nộp: 02 bộ;

- Thời gian: Thực hiện trong giờ hành chính các ngày trong tuần, bắt đầu từ ngày 15/12/2025 và kết thúc vào 17h ngày 01/2/2026. Riêng thứ Bảy, ngày 31/01/2026 và Chủ nhật, ngày 01/02/2026, Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia, UBBC tỉnh/thành phố vẫn nhận hồ sơ ứng cử.

Lưu ý: Người được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI khi tiếp nhận hồ sơ phải có Giấy biên nhận việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội (Mẫu 04/HĐBC-QH);

2. Hồ sơ ứng cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

2.1. Thành phần Hồ sơ người ứng cử đại biểu HĐND các cấp gồm:

(1) Đơn ứng cử (Mẫu 05/HĐBC-QH);

(2) Sơ yếu lý lịch (Mẫu 06/HĐBC-QH);

(3) Tiểu sử tóm tắt (Mẫu 07/HĐBC-QH);

(4) Bản kê khai thu nhập, tài sản (Mẫu 09/HĐBC);

(5) 02 ảnh chân dung màu nền trắng cỡ 4cm x 6cm (không bao gồm ảnh dán sơ yếu lý lịch, tiểu sử tóm tắt).

2.2. Địa điểm nộp hồ sơ:

Người ứng cử đại biểu HĐND cấp nào thì nộp hồ sơ tại Ủy ban bầu cử cử đơn vị hành chính đó. Người ứng cử đại biểu HĐND trước khi nộp hồ sơ ứng cử theo quy định cần khai đơn ứng cử và tiểu sử tóm tắt trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Số lượng: 01 bộ

- Thời gian: Thực hiện trong giờ hành chính các ngày trong tuần, bắt đầu từ ngày 15/12/2025 và kết thúc vào 17h ngày 01/2/2026. Riêng thứ Bảy, ngày 31/01/2026 và Chủ nhật, ngày 01/02/2026, Ủy ban bầu cử các cấp vẫn nhận hồ sơ ứng cử.

Lưu ý: Người được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ người ứng cử đại biểu HĐND các cấp khi tiếp nhận hồ sơ phải có Giấy biên nhận việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu HĐND (Mẫu 08/HĐBC-QH);

3. Mẫu phiếu bầu đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp

Mẫu Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội (Mẫu số 13/HĐBC-QH); Mẫu Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố (Mẫu số 14/HĐBC-HĐND) và Mẫu Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (Mẫu số 15/HĐBC-HĐND);

4. Mẫu Báo cáo về dự kiến phân bổ những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI theo đơn vị bầu cử; Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở đơn vị bầu cử; Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử; Biên bản xác nhận kết quả bầu cử và các loại mẫu khác phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội (Từ mẫu số 16 đến mẫu số 21/HĐBC-QH)

5. Mẫu Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; biên bản xác định kết quả bầu cử; Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Danh sách chính thức những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (Từ mẫu số 22 đến mẫu số 26/HĐBC-HĐND);

Từ mẫu số 27 đến mẫu số 39: Văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử.

6. Nội quy phòng bỏ phiếu

Tổ bầu cử có trách nhiệm niêm yết Nội quy phòng bỏ phiếu. Nội quy phòng bỏ phiếu gồm các nội dung sau đây:

- Phải chấp hành đúng nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu;
- Cử tri phải xếp hàng lần lượt để thực hiện việc bỏ phiếu, ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ có thai;
- Phải giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn tại khu vực bỏ phiếu; nghiêm cấm mọi hành vi phá hoại cơ sở vật chất, tài sản, gây rối tại khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;
- Không được vận động bầu cử tại nơi bỏ phiếu bằng bất kỳ hình thức nào;
- Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy, tài liệu, băng rôn khẩu hiệu có nội dung xấu, độc, tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;
- Những người không có nhiệm vụ thì không được vào phòng bỏ phiếu
- Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, những người có nhiệm vụ phục vụ bầu cử phải đeo phù hiệu theo mẫu do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố quy định; thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và giải đáp thắc mắc của cử tri;
- Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép, cản trở việc bầu cử của công dân, vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ

đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

IV. NGHỊ QUYẾT SỐ 1891/NQ-UBTVQH15 NGÀY 10/11/2025 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU, THÀNH PHẦN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

Ngày 10/11/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 1891/NQ-UBTVQH15 về dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI. Theo đó, Quốc hội khóa mới dự kiến có 500 đại biểu, trong đó có khoảng 80-90 đại biểu là Ủy viên Trung ương Đảng. Thành phần đại biểu Quốc hội ở trung ương và địa phương như sau:

1. Số lượng đại biểu ở các cơ quan trung ương là 217 đại biểu (43,4%)

Số lượng đại biểu ở các cơ quan trung ương được phân bổ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

- Các cơ quan Đảng: 10 đại biểu (2,0%).
- Cơ quan Chủ tịch nước: 03 đại biểu (0,6%).
- Các cơ quan của Quốc hội (đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương) 145 đại biểu (29%).
- Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ: 15 đại biểu (3,0%).
- Bộ Quốc phòng (bao gồm Bộ trưởng, cơ quan Bộ, các quân khu, quân chủng): 13 đại biểu (2,6%);
- Bộ Công an (bao gồm Bộ trưởng): 3 đại biểu (0,6%).
- Tòa án nhân dân tối cao: 01 đại biểu (0,2%).
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao: 01 đại biểu (0,2%).
- Kiểm toán Nhà nước: 01 đại biểu (0,2%).
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 25 đại biểu (5%).

2. Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương là 283 đại biểu (56,6%)

Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương được phân bổ như sau:

a) Cơ cấu định hướng: 179 đại biểu (35,8%)

Cơ cấu định hướng là cơ cấu khung để các tỉnh, thành phố làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử, gồm:

- Lãnh đạo chủ chốt ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiêm Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội: 34 đại biểu (6,8%).

- Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội 55 đại biểu (11%). Trong đó: 17 tỉnh, thành phố bố trí 1 đại biểu chuyên trách; 13 tỉnh, thành phố bố trí 2 đại biểu chuyên trách; 4 tỉnh, thành phố bố trí 3 đại biểu chuyên trách.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 28 đại biểu (5,6%).

- Đại biểu tôn giáo: 06 đại biểu (1,2%).

- Quân đội (bao gồm Bộ Chỉ huy quân sự và Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh): 14 đại biểu (2,8%).

- Công an: 9 đại biểu (1,8%).

- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Sở Tư pháp: 13 đại biểu (2,6%), trong đó: Tòa án nhân dân 5 đại biểu; Viện kiểm sát nhân dân 4 đại biểu; Sở Tư pháp 4 đại biểu.

- Viện nghiên cứu, trường đại học, học viện: 10 đại biểu (2%).

- Doanh nghiệp, hiệp hội, nghiệp đoàn về lĩnh vực sản xuất kinh doanh: 10 đại biểu (2%).

b) Cơ cấu hướng dẫn do các địa phương giới thiệu 104 đại biểu (20,8%)

Cơ cấu hướng dẫn là cơ cấu linh hoạt để các tỉnh, thành phố làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử, gồm đại diện các ngành: khoa học - công nghệ, tài chính, giáo dục, y tế, văn hóa - nghệ thuật, đại diện chính quyền cơ sở, nội chính, nhân sĩ, trí thức... Trong cơ cấu này, cần quan tâm phân bổ hợp lý số người là phụ nữ, người ngoài Đảng, dân tộc, trẻ tuổi và tự ứng cử.

3. Cơ cấu kết hợp

Cơ cấu kết hợp là các cơ cấu theo chỉ tiêu kết hợp. Một người ứng cử đại biểu Quốc hội có thể có nhiều hơn một cơ cấu kết hợp, gồm:

- Đại biểu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoảng 80-90 đồng chí (16%-18%), trong đó có 12-14 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư.

- Đại biểu là người ngoài Đảng: Từ 25-50 đại biểu (5%-10%).

- Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): Khoảng 50 đại biểu (10%).

- Đại biểu tái cử: Khoảng 160 đại biểu (32%).

- Đại biểu là người dân tộc thiểu số bảo đảm tỷ lệ ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số. Chú ý đến các dân tộc ít người chưa tham gia đại biểu Quốc hội.

- Đại biểu là phụ nữ bảo đảm tỷ lệ ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

4. Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Ban Thường trực Ủy ban Mặt

trận Tô quốc Việt Nam cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm bầu đủ số lượng 500 đại biểu, đáp ứng tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, có cơ cấu phù hợp, là người tiêu biểu đại diện các ngành, các giới và các tầng lớp Nhân dân; không nên kết hợp nhiều cơ cấu đối với một đại biểu.

5. Về dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu tại các tỉnh, thành phố, Nghị quyết số 1891/NQ-UBTVQH15 nêu rõ:

5.1. Dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố theo nguyên tắc:

- Mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất là 04 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;

- Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là 500 đại biểu;

- Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất là 07 đại biểu.

5.2. Dự kiến phân bổ số đại biểu trung ương về ứng cử ở địa phương theo nguyên tắc:

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 7 đến 10 đại biểu thì có 3-4 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 11 đến 15 đại biểu thì có 5-6 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 16 đến 17 đại biểu thì có 7-8 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 18 đến 19 đại biểu thì có 8-9 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 21 đại biểu thì có 9-10 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 32 đến 38 đại biểu thì có 15-17 đại biểu trung ương.

D. MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ CỦA TỈNH BẮC NINH QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN VỀ CÔNG TÁC BẦU CỬ

I. THÔNG TƯ SỐ 21/2025/TT-BNV NGÀY 12 THÁNG 10 NĂM 2025 CỦA BỘ NỘI VỤ BAN HÀNH HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TỔ CHỨC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 – 2031
(Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/10/2025)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 ở các đơn vị hành chính tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp tỉnh); xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã).

1.2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được thành lập ở cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 (sau đây gọi là bầu cử).

2. Phân chia khu vực bỏ phiếu

2.1. Việc phân chia các khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Luật Bầu cử.

2.2. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng cử tri, đặc điểm địa hình, việc phân bố dân cư trên địa bàn để xác định các khu vực bỏ phiếu cho phù hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó mỗi khu vực bỏ phiếu bao gồm một hoặc một số thôn, tổ dân phố hợp thành. Trường hợp thôn, tổ dân phố có số lượng cử tri quá đông hoặc do địa bàn rộng lớn, bị chia cắt, việc phân bố dân cư không tập trung thì có thể chia thôn, tổ dân phố thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Việc phân chia thôn, tổ dân phố thành nhiều khu vực bỏ phiếu phải bảo đảm thuận lợi cho việc chi đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các tổ chức phụ trách bầu cử và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhất là trong thực hiện công tác bầu cử của Tổ bầu cử.

2.3. Trường hợp sau khi đã thành lập các khu vực bỏ phiếu và lập danh sách cử tri tại các khu vực bỏ phiếu nhưng trên địa bàn xảy ra dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao, phải thực hiện việc cách ly tại cơ sở cách ly tập trung, địa bàn phải phong tỏa hoặc do thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến địa hình bị chia cắt mà khu vực cách ly tập trung, địa bàn bị phong tỏa hoặc bị chia cắt có số lượng cử tri quá lớn hoặc có nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh cao thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đó sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định thành lập bổ sung khu vực bỏ phiếu riêng tại cơ sở cách ly tập trung, địa bàn bị phong tỏa, bị chia cắt.

2.4. Trường hợp khu vực bỏ phiếu có số lượng cử tri giảm nhiều so với thời điểm lập danh sách cử tri đến mức ít hơn số lượng cử tri tối thiểu để thành lập khu vực bỏ phiếu theo quy định thì căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định vẫn tiếp tục duy trì khu vực bỏ phiếu đó để tiến hành việc bỏ phiếu bình thường (dự phòng trường hợp cử tri đã đăng ký trong danh sách cử tri quay trở lại khu vực bỏ phiếu trước ngày bầu cử) hoặc quyết

định giải thể khu vực bỏ phiếu và Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu đó để ghép chung vào khu vực bỏ phiếu khác liền kề trong cùng đơn vị bầu cử, bảo đảm thuận tiện cho cử tri và phù hợp với năng lực của tổ chức phụ trách bầu cử trên địa bàn. Quyết định giải thể khu vực bỏ phiếu phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo kịp thời, rộng rãi đến cử tri về việc thay đổi khu vực bỏ phiếu để cử tri biết và thực hiện việc bỏ phiếu theo quy định.

2.5. Trường hợp cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt công tác bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, quyết định điều chỉnh khu vực bỏ phiếu đã được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho cử tri trong việc tham gia bầu cử, bảo đảm công bằng, hợp lý, không làm thay đổi quyền bầu cử của cử tri và tuân thủ quy định của Luật Bầu cử và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Quyết định điều chỉnh khu vực bỏ phiếu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức công bố, niêm yết và thông báo rộng rãi đến cử tri việc điều chỉnh khu vực bỏ phiếu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.6. Trên cơ sở các khu vực bỏ phiếu đã được cơ quan có thẩm quyền xác định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử tại khu vực bỏ phiếu theo quy định.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử

3.1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ của mình chỉ đạo tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác bầu cử. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác bầu cử phải vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, năng lực thực hiện của các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, vừa phải bảo đảm bảo mật các thông tin, kết quả bầu cử theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định của pháp luật về bầu cử.

3.2. Các nội dung nghiệp vụ công tác bầu cử cần được tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

- a) Công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử;
- b) Cập nhật, báo cáo tình hình, tiến độ bầu cử;
- c) Việc lập, niêm yết danh sách cử tri, in thẻ cử tri; cập nhật tiến độ cử tri tham gia bỏ phiếu;
- d) Hỗ trợ việc tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hỗ trợ việc tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu phải bảo đảm chính xác và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về bầu cử;

đ) Các nội dung khác trong nghiệp vụ công tác bầu cử phù hợp với quy định của pháp luật về bầu cử.

3.3. Trước khi áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác bầu cử, các địa phương phải xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể, phải tuyệt đối bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu về bầu cử, thực hiện cơ chế vận hành thử nghiệm, kiểm tra hệ thống công nghệ thông tin trước khi thực hiện.

Trường hợp áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số liên quan đến cách thức, trình tự bỏ phiếu trong ngày bầu cử, cập nhật kết quả bầu cử, việc kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia trước khi thực hiện.

4. Nội quy phòng bỏ phiếu, thể lệ bầu cử

4.1. Nội quy phòng bỏ phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các loại mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

4.2. Thể lệ bầu cử

Để thuận tiện cho cử tri trong quá trình bỏ phiếu, căn cứ quy định của pháp luật về bầu cử (bao gồm các nội dung hướng dẫn về thể lệ bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia tại kỳ bầu cử trước đây) và tình hình cụ thể tại địa phương, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chủ động biên soạn thể lệ bầu cử để gửi các Tổ bầu cử niêm yết tại phòng bỏ phiếu. Thể lệ bầu cử cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ và được niêm yết ở khu vực thuận tiện cho cử tri dễ tiếp cận. Thể lệ bầu cử có thể gồm một số nội dung cơ bản như sau:

a) Nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu:

- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ 07 giờ sáng đến 07 giờ tối cùng ngày.

Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày;

- Khi bầu cử, cử tri phải xuất trình Thẻ cử tri;

- Mỗi cử tri có quyền bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân mà mình được tham gia bầu cử;

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay.

Trường hợp cử tri không thể tự viết phiếu bầu thì nhờ người khác viết phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của

cử tri. Người khuyết tật không thể tự mình bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu;

- Cử tri không bầu cho ai trong phiếu bầu thì gạch giữa cả dòng chữ họ và tên của người mà mình không bầu (gạch đè lên dòng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử hoặc gạch xóa hết tên những người ứng cử trong phiếu bầu;

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác;

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước, phía trên, góc trái của Thẻ cử tri. Thẻ cử tri chỉ có giá trị cho 01 lần bỏ phiếu.

b) Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;
- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;
- Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử; - Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;
- Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

5. Xây dựng quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

- Để bảo đảm hiệu quả hoạt động, các tổ chức phụ trách bầu cử cần xây dựng và ban hành quy chế làm việc. Tùy tính chất, nhiệm vụ của từng tổ chức phụ trách bầu cử mà quy chế làm việc có nội dung phù hợp, trong đó, cần thiết có các nội dung sau đây:

- a) Nguyên tắc và hình thức làm việc của tổ chức phụ trách bầu cử;
- b) Chế độ, lề lối làm việc, quy trình xử lý công việc của tổ chức phụ trách bầu cử;
- c) Các cuộc họp của tổ chức phụ trách bầu cử;
- d) Phân công nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử;
- đ) Mối quan hệ công tác, chế độ thông tin, báo cáo của tổ chức phụ trách bầu cử.

- Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp xã, Trưởng ban Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Trưởng ban Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và Tổ

trưởng Tổ bầu cử (sau đây gọi chung là người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử) chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình để triển khai công việc ngay từ giai đoạn chuẩn bị, trong ngày bầu cử và sau ngày bầu cử cho đến khi kết thúc cuộc bầu cử theo quy định tại Điều 28 của Luật Bầu cử. Trong đó, phân công thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, con dấu, tổng hợp chung công tác bầu cử của tổ chức phụ trách bầu cử.

- Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và Tổ bầu cử phân công bộ phận thường trực gồm người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử, thư ký và một số ủy viên để kịp thời chỉ đạo, theo dõi, nắm bắt tình hình bầu cử ở địa phương. Quy chế làm việc của tổ chức phụ trách bầu cử phải xác định rõ trách nhiệm của bộ phận thường trực.

6. Trách nhiệm của thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

a) Người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử phân công, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với từng thành viên tổ chức phụ trách bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho tổ chức phụ trách bầu cử trong quá trình thực hiện công tác bầu cử;

b) Thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm tham gia đầy đủ việc tập huấn các quy định pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử; nắm vững và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; công tâm, khách quan, trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải trao đổi, hội ý công việc, đánh giá rút kinh nghiệm về những công việc đã thực hiện của mỗi thành viên; người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các thành viên thực hiện những công việc còn tồn đọng và phân công các thành viên thực hiện các công việc tiếp theo của tổ chức phụ trách bầu cử theo tiến độ thực hiện công tác bầu cử;

d) Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhất là trong ngày bầu cử, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải đeo phù hiệu của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình.

7. Phát Thẻ cử tri và rà soát, cập nhật danh sách cử tri

- Trong khoảng thời gian từ trước 10 ngày đến trước 03 ngày của ngày bầu cử (từ ngày 05 đến ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bầu cử đúng Ngày bầu cử), Tổ bầu cử phải tiến hành phát Thẻ cử tri cho các cử tri ở khu vực bỏ phiếu. Tổ bầu cử phối hợp chặt chẽ với Công an cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện việc rà soát danh sách cử tri trong quá trình phát Thẻ cử tri cho cử tri trên địa bàn, trong đó đặc biệt lưu ý các trường hợp cử tri có yêu cầu đặc biệt (như cử tri là người khuyết tật, già yếu, đang ốm đau, cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri thuộc diện cách ly, khu vực phong tỏa để

phòng, chống dịch bệnh, cử tri ở khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, cử tri đang thực hiện nhiệm vụ ở trên biển, hải đảo) để có phương án, kế hoạch cho các cử tri này thực hiện quyền bầu cử.

- Trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử tiến hành việc xác nhận lại nguyện vọng của cử tri, nhất là cử tri là người tạm trú trên địa bàn về việc sẽ bỏ phiếu bầu cử ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri hay bỏ phiếu ở nơi khác. Trường hợp cử tri xác nhận sẽ bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì Tổ bầu cử phát Thẻ cử tri để cử tri thực hiện quyền bầu cử.

Trường hợp cử tri đề nghị được bỏ phiếu ở nơi khác thì Tổ bầu cử hướng dẫn cử tri thực hiện thủ tục về việc bỏ phiếu ở nơi khác theo quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử. Những cử tri đã đi bỏ phiếu ở nơi khác thì không được tính vào tổng số cử tri trong danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu.

- Trường hợp đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu mà Tổ bầu cử vẫn không thể liên hệ được với cử tri để phát Thẻ cử tri do cử tri có tên trong danh sách không có mặt tại nơi đã đăng ký thường trú (hoặc tạm trú) hoặc không thể liên lạc được bằng các phương tiện liên lạc khác thì Tổ bầu cử thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét việc xóa tên người đó trong danh sách cử tri.

- Trường hợp đến ngày bầu cử mà Thẻ cử tri bị rách, hỏng hoặc bị mất thì cử tri phải kịp thời báo cáo với Tổ bầu cử. Tổ bầu cử phải thu hồi Thẻ cử tri bị rách, hỏng; đối với trường hợp cử tri bị mất Thẻ cử tri thì Tổ bầu cử phải yêu cầu cử tri viết giấy xác nhận đã mất Thẻ cử tri (kèm theo xuất trình căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác) và đề nghị được cấp Thẻ cử tri mới. Tổ bầu cử có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã để cấp lại Thẻ cử tri cho cử tri do Thẻ cử tri bị rách, hỏng hoặc bị mất. Riêng đối với trường hợp cấp lại Thẻ cử tri do bị mất thì Tổ bầu cử ghi chú tại danh sách cử tri về việc cấp lại Thẻ cử tri do bị mất để theo dõi khi thực hiện bỏ phiếu trong ngày bầu cử, tránh trường hợp người khác nhặt được Thẻ cử tri bị mất để thực hiện việc bỏ phiếu làm ảnh hưởng đến kết quả bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu.

8. Các công việc chuẩn bị trước ngày bầu cử của tổ bầu cử

8.1. Bố trí địa điểm bỏ phiếu

8.1.1. Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất ở địa phương như: nhà văn hóa, hội trường, trường học hoặc các địa điểm thuận lợi khác và căn cứ mật độ phân bố dân cư ở khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử lựa chọn địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) cho phù hợp, bảo đảm thuận tiện để cử tri đến bầu cử. Địa điểm bỏ phiếu phải được trang trí trang nghiêm, tiết kiệm; bố trí lối vào cho cử tri bỏ phiếu, khu vực bên trong phòng bỏ phiếu và lối ra cho cử tri sau khi đã bỏ phiếu xong; địa điểm bỏ phiếu phải bảo đảm an ninh, trật tự.

8.1.2. Địa điểm bỏ phiếu gồm: cổng ra - vào, khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu và khu vực bên trong phòng bỏ phiếu. Việc bố trí, trang trí địa điểm bỏ phiếu thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và hướng dẫn sau đây:

a) Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu

- Tổ bầu cử sử dụng vật liệu sẵn có ở địa phương để làm cổng ra - vào khu vực bỏ phiếu;

- Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu là nơi tiếp đón cử tri đến bỏ phiếu; nơi niêm yết danh sách cử tri, thẻ lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; nơi tổ chức lễ khai mạc (nơi nào có hội trường rộng thì có thể tổ chức lễ khai mạc ngay trong phòng bỏ phiếu). Tùy điều kiện cụ thể của từng khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử có thể niêm yết danh sách, tiểu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân tại nơi để quan sát để cử tri tham khảo trước khi bỏ phiếu.

Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu có thể bố trí bàn, ghế để cử tri chờ thực hiện việc bỏ phiếu.

(Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu được trang trí theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu

- Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu phải được bố trí trang trọng, đủ bàn, ghế, bút viết và những điều kiện cần thiết để cử tri đến bỏ phiếu;

- Phòng bỏ phiếu phải có lối đi vào, lối đi ra một chiều và theo trật tự nhất định, có thể tham khảo bố trí theo sơ đồ sau: (1) Bắt đầu lối vào là bàn hướng dẫn, bàn để cử tri xuất trình Thẻ cử tri và nhận phiếu bầu; (2) Vị trí bàn để cử tri viết phiếu bầu; (3) Nơi để hòm phiếu; (4) Bàn đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri để xác nhận cử tri đã bỏ phiếu; (5) Lối ra cho cử tri sau khi đã thực hiện xong việc bỏ phiếu;

- Tại phòng bỏ phiếu, Tổ bầu cử niêm yết danh sách, tiểu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân tại nơi để quan sát để cử tri tham khảo trước khi viết phiếu bầu;

- Nơi cử tri viết phiếu bầu cần bố trí các bàn có vách ngăn hoặc phòng kín để bảo đảm nguyên tắc cử tri “bỏ phiếu kín” theo quy định của pháp luật về bầu cử.

(Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu được trang trí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

8.1.3. Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công thành viên Tổ bầu cử luân phiên trực bảo vệ địa điểm bỏ phiếu cả ngày và đêm trước, trong ngày bầu cử và cho đến khi kết thúc việc bỏ phiếu; tổng hợp, lập biên bản kiểm phiếu gửi đến Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

8.2. Hòm phiếu

Việc chuẩn bị hòm phiếu, số lượng, kích cỡ hòm phiếu tùy theo số lượng cử tri ở khu vực bầu cử, đặc điểm, điều kiện của từng địa phương theo hướng dẫn của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh. Hòm phiếu được đóng mới hoặc sử dụng hòm phiếu bầu cử hiện có. Hòm phiếu phải bảo đảm chắc chắn, trang trí sạch đẹp, phía mặt trước của hòm phiếu có dán hình Quốc huy, phía dưới có dòng chữ “HÒM PHIẾU”. Ngoài hòm phiếu chính, Tổ bầu cử phải chuẩn bị các hòm phiếu phụ (hòm phiếu lưu động) và băng niêm phong hòm phiếu.

Đối với những khu vực bỏ phiếu có tính chất đặc thù riêng như tại các giàn khoan, công trình biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển hoặc các đặc thù khác, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan 17 và Tổ bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu có tính chất đặc thù chuẩn bị đầy đủ các hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử để thực hiện tốt việc bỏ phiếu của cử tri.

8.3. Nhận tài liệu liên quan đến công tác bầu cử của Tổ bầu cử

Tổ bầu cử phân công thành viên nhận các loại tài liệu sau đây từ Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban bầu cử:

- Thẻ cử tri theo danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu và phát cho cử tri trước ngày bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử.

- Nhận đủ số lượng phiếu bầu theo danh sách cử tri và số lượng phiếu bầu dự phòng. Khi nhận phiếu bầu phải có biên bản bàn giao giữa người giao và người nhận về số lượng cụ thể của từng loại phiếu bầu. Tổ bầu cử kiểm tra kỹ phiếu bầu, về số lượng đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử, danh sách họ và tên những ứng cử viên đúng với khu vực bỏ phiếu của tổ mình và phải quản lý chặt chẽ số lượng các loại phiếu bầu.

- Con dấu của Tổ bầu cử và con dấu “Đã bỏ phiếu”.

- Các loại biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử theo quy định.

- Danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu.

- Danh sách và tiểu sử tóm tắt của những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu.

- Nội quy phòng bỏ phiếu, thể lệ bầu cử, mẫu diễn văn khai mạc, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Phù hiệu của các thành viên Tổ bầu cử.

- Văn phòng phẩm (bút, giấy, kéo, thước kẻ, keo dán, hộp mực con dấu,...).

- Các tài liệu khác liên quan đến bầu cử theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

8.4. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ bầu cử

Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) thực hiện các công việc sau:

- Tổ trưởng phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo hoạt động trong phòng bỏ phiếu và việc bỏ phiếu, việc kiểm phiếu.

- Thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, phiếu bầu, con dấu, soạn thảo biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

- Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) chịu trách nhiệm về trang trí phòng bỏ phiếu, trực tiếp chỉ đạo hoạt động ngoài phòng bỏ phiếu và bảo đảm các điều kiện vật chất - kỹ thuật cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử.

- Phân công thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra Thẻ cử tri, đối chiếu danh sách cử tri, đánh dấu theo dõi số cử tri đi bầu vào danh sách cử tri, phát phiếu bầu đã được đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri.

- Phân công thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm hướng dẫn cử tri thực hiện đúng nguyên tắc và trình tự, cách thức bỏ phiếu và viết phiếu bầu.

- Phân công thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm trực tại bàn gần hòm phiếu, đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước của Thẻ cử tri khi cử tri đã bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu.

- Phân công thành viên Tổ bầu cử hướng dẫn cử tri ra, vào phòng bỏ phiếu, nhận phiếu, viết phiếu và bỏ phiếu.

- Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) phụ trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa điểm bỏ phiếu.

- Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) đôn đốc, thông báo để các cử tri đi bỏ phiếu.

- Các công việc khác liên quan đến công tác bầu cử.

8.5. Rà soát, kiểm tra các công việc trước ngày bầu cử của Tổ bầu cử

Trước ngày bầu cử 10 ngày, Tổ bầu cử phải thường xuyên thực hiện việc rà soát, kiểm tra lại toàn bộ các loại phương tiện vật chất - kỹ thuật phục vụ bầu cử tại khu vực bỏ phiếu, bao gồm:

- Phòng bỏ phiếu.

- Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp kèm theo tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

- Phiếu bầu cử bảo đảm đúng đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu, đúng họ và tên nêu tại danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu.

- Các con dấu của Tổ bầu cử.

- Hòm phiếu chính, các hòm phiếu phụ (nếu có).

- Các biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử.

- Thành phần dự lễ khai mạc, diễn văn khai mạc và các văn phòng phẩm phục vụ việc bầu cử.

- Rà soát danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu, trong đó cần xác định rõ số cử tri là người khuyết tật, già yếu, đang ốm đau không thể trực tiếp đi bỏ phiếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly do dịch bệnh (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn để có kế hoạch chuẩn bị phiếu bầu cử và mang hòm phiếu phụ đến cơ sở, địa điểm nêu trên để cử tri thực hiện quyền bầu cử. Đồng thời, Tổ bầu cử phải có các biện pháp thích hợp như niêm yết, phát thanh, thông báo hoặc gửi thông tin về danh sách chính thức những người ứng cử để các cử tri có đủ thông tin lựa chọn người xứng đáng làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Các phương tiện vật chất - kỹ thuật khác phục vụ cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử.

8.6. Quản lý tài liệu, phiếu bầu cử của Tổ bầu cử

Sau khi nhận được tài liệu, phiếu bầu cử từ Ban bầu cử, Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công cụ thể các thành viên quản lý chặt chẽ tài liệu, phiếu bầu cử, đặc biệt là quản lý chặt chẽ phiếu bầu cử. Tổ bầu cử phải lập sổ quản lý phiếu bầu cử, trong đó theo dõi số phiếu nhận, số phiếu phát, số phiếu thu hồi, số phiếu niêm phong, bảo quản theo quy định. Trường hợp phát hiện tài liệu, phiếu bầu cử bị mất thì Tổ bầu cử phải lập biên bản và báo cáo ngay Ban bầu cử để có biện pháp xử lý kịp thời.

8.7. Thông tin thường xuyên trước ngày bầu cử của Tổ bầu cử

- Tổ bầu cử phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có các hình thức thông tin, tuyên truyền rộng rãi để cử tri nắm bắt được các quy định của pháp luật về bầu cử; tạo điều kiện thuận lợi nhất và bảo đảm để tất cả cử tri đều thực hiện được quyền bầu cử của mình.

- Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri tại khu vực bỏ phiếu biết về ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng các hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.

9. Các công việc trong ngày bầu cử của tổ bầu cử

9.1. Thời gian bỏ phiếu và công việc chuẩn bị trước khi bỏ phiếu

- Thời gian bỏ phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật Bầu cử.

- Trước khi tiến hành bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải thực hiện lễ khai mạc. Các thành viên Tổ bầu cử phải đến sớm trước giờ khai mạc để kiểm tra công tác chuẩn bị, bảo đảm thời gian khai mạc đúng giờ quy định.

- Sau khi đã kiểm tra đầy đủ các điều kiện cần thiết cho ngày bầu cử, Tổ bầu cử mới tổ chức lễ khai mạc và tiến hành việc bỏ phiếu.

9.2. Tổ chức lễ khai mạc bầu cử

- Thành phần tham dự lễ khai mạc:

a) Các thành viên Tổ bầu cử, những người có nhiệm vụ liên quan đến công tác bầu cử;

b) Đại diện cơ quan đảng, chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể ở địa phương;

c) Đại diện cử tri là người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có); cử tri là người cao tuổi, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

d) Cử tri đến dự lễ khai mạc;

đ) Phóng viên báo, đài (nếu có).

- Trình tự tổ chức lễ khai mạc:

Lễ khai mạc phải được tổ chức trang trọng, thời gian khoảng 15 đến 20 phút, do Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì theo nội dung và trình tự sau đây:

a) Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;

b) Đọc diễn văn khai mạc;

c) Đọc thể lệ bầu cử; nội quy phòng bỏ phiếu;

d) Kiểm tra hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ trước sự chứng kiến của cử tri; mời 02 cử tri không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ứng cử tại khu vực bỏ phiếu chứng kiến việc kiểm tra hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ theo quy định.

- Sau khi thực hiện thủ tục niêm phong hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố cuộc bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 bắt đầu.

- Tổ bầu cử phải bố trí thành viên Tổ bầu cử thường trực bên hòm phiếu làm nhiệm vụ hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và bảo vệ hòm phiếu.

9.3. Tiến hành bỏ phiếu

- Khi bắt đầu việc bỏ phiếu, Tổ bầu cử mời những cử tri có tên trong danh sách cử tri là lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc 21 Việt Nam, người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có) và cử tri là người cao tuổi nhất, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có) có mặt tại thời điểm khai mạc bỏ phiếu trước.

- Việc bỏ phiếu được tiến hành liên tục. Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo, hướng dẫn cử tri thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bầu cử, thể lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; hướng dẫn cử tri cách thức bỏ phiếu và gạch phiếu bầu; đôn đốc cử tri tích cực thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử của công dân.

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều 69 của Luật Bầu cử. Khi đến phòng bỏ phiếu, cử tri xuất trình Thẻ cử tri để được nhận phiếu bầu.

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả các thành viên Tổ bầu cử. Nếu cử tri viết phiếu bầu bị nhầm hoặc bị hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác. Cử tri không thể tự viết phiếu bầu thì nhờ người khác viết phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu. Người viết phiếu hộ phải đọc đầy đủ họ và tên những người ứng cử trên phiếu bầu để cử tri tự mình quyết định. Người viết hộ phiếu bầu phải ghi trung thực ý muốn của cử tri nhờ viết hộ và bảo đảm bí mật phiếu bầu. Khi viết hộ phiếu bầu xong phải giao lại phiếu bầu cho cử tri để cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu. Người khuyết tật, người già yếu hoặc các trường hợp khác mà không thể bỏ phiếu vào hòm phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

- Trong khi tiến hành bỏ phiếu, nếu có tình huống bất thường xảy ra làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử và các thành viên Tổ bầu cử phải nhanh chóng hội ý để kịp thời xử lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc không thể tự xử lý được thì phải tạm dừng cuộc bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải tiến hành niêm phong và quản lý chặt chẽ hòm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan khác, kịp thời báo cáo Ban bầu cử để có phương án giải quyết, đồng thời phải có biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục tiến hành. 6. Tổ bầu cử phải đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào mặt trước, phía trên, góc trái của Thẻ cử tri của cử tri đã bỏ phiếu bầu xong.

9.5. Một số điểm cần lưu ý trong ngày bầu cử

- Căn cứ vào quy mô, số lượng cử tri ở từng khu vực bỏ phiếu và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã và Tổ bầu cử xây dựng kế hoạch, lịch trình bỏ phiếu để chủ động điều tiết, phân chia thời gian bỏ phiếu của cử tri ở từng thôn, tổ dân phố, cụm dân cư, nhóm hộ gia đình,.. và thông báo rộng rãi cho cử tri thuộc khu vực bỏ phiếu biết, bảo đảm tại cùng một thời điểm trong ngày bầu cử không tập trung quá đông người ở phòng bỏ phiếu.

- Trong quá trình diễn ra cuộc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải ân cần, lịch sự, hướng dẫn tận tình, chu đáo cho cử tri đến tham gia bỏ phiếu. Các

thành viên Tổ bầu cử được phân công đảm nhiệm từng công việc trong ngày bầu cử phải chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công và hỗ trợ thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ chung của Tổ bầu cử.

- Thành viên Tổ bầu cử hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu. Nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào (không bầu cho người có tên trong phiếu bầu cử) thì gạch ngang cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên cả hàng chữ họ và tên người ứng cử); không được khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không bầu (không để lại) quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không gạch tất cả người ứng cử trong phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu (không gạch bất kỳ tên người ứng cử nào) đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử.

- Nếu cử tri yêu cầu đổi phiếu bầu khác do viết hỏng, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu viết hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác.

- Khi cử tri có Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp đề nghị, nếu tên của cử tri này chưa có trong danh sách bổ sung của Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải hướng dẫn người đó đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để bổ sung vào danh sách cử tri. Việc bổ sung danh sách cử tri phải đúng với địa điểm do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp đề nghị tại Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác. Danh sách cử tri bổ sung phải xác định rõ những người này được bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Sau khi có danh sách cử tri bổ sung do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, Tổ bầu cử mới được phát phiếu bầu cho những cử tri này; khi những cử tri này đã bỏ phiếu xong thì Tổ bầu cử phải đóng dấu “Đã bỏ phiếu” lên mặt trước của Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác. Tổ bầu cử phải ghi danh sách cử tri bổ sung để theo dõi riêng và tổng hợp số liệu sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.

- Trường hợp phải sử dụng hòm phiếu phụ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra số lượng phiếu bầu khi phát ra cho thành viên Tổ bầu cử để mang theo cùng với hòm phiếu phụ đến các cử tri là người khuyết tật, ốm đau, già yếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) tại cơ sở cách ly hoặc nơi ở, nơi lưu trú của cử tri đang được cách ly; những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên 23 biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo để thực hiện việc bỏ phiếu do không đến được phòng bỏ phiếu. Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu.

- Việc phát phiếu bầu cho cử tri và tổ chức để cử tri bỏ phiếu đối với trường hợp cử tri đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bầu cử, đồng thời, bảo đảm đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế và quy định của cơ quan có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành việc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải thực hiện việc khử khuẩn hòm phiếu phụ và mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu theo quy định.

- Trường hợp việc sử dụng hòm phiếu phụ đối với các cử tri tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo, sau khi các cử tri bỏ phiếu xong nhưng do các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến khu vực bị chia cắt nên việc mang hòm phiếu phụ đến phòng bỏ phiếu không thể hoàn thành được trong ngày bầu cử (hoặc ngày bầu cử sớm đã được ấn định) thì các thành viên Tổ bầu cử phụ trách hòm phiếu phụ được phép thực hiện việc kiểm phiếu tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo theo quy định tại Điều 73 của Luật Bầu cử, hướng dẫn tại Thông tư này và báo cáo kết quả kiểm phiếu bằng điện báo, điện thoại, các hình thức phù hợp khác cho Tổ trưởng Tổ bầu cử. Các thành viên Tổ bầu cử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về kết quả kiểm phiếu; nộp hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử cùng kết quả kiểm phiếu bầu cử ở hòm phiếu phụ ngay sau khi về phòng bỏ phiếu.

- Tổ bầu cử không được để những người không có nhiệm vụ (trừ các cử tri) vào phòng bỏ phiếu. Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy, tài liệu, băng rôn, khẩu hiệu có nội dung xấu, độc, tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu.

- Cử tri có quyền quay phim, chụp hình ở phía ngoài phòng bỏ phiếu trong quá trình mình tham gia thực hiện quyền bỏ phiếu bầu cử, nhưng phải bảo đảm được thực hiện một cách có thiện chí, không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử, không cản trở việc bỏ phiếu của cử tri và không vi phạm nội quy phòng bỏ phiếu (chỉ được quay phim, chụp hình ở trong phòng bỏ phiếu nếu được Tổ trưởng Tổ bầu cử đồng ý và phải bảo đảm bảo mật thông tin bỏ phiếu của các cử tri khác trong suốt quá trình bỏ phiếu). Trường hợp việc quay phim, chụp hình làm cản trở, ảnh hưởng đến cuộc bầu cử thì Tổ trưởng Tổ bầu cử được quyền yêu cầu dừng việc quay phim, chụp hình tại khu vực bỏ phiếu và phòng bỏ phiếu.

9.6. Kết thúc việc bỏ phiếu và tổ chức kiểm phiếu

- Sau khi đã hết giờ bỏ phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật Bầu cử thì Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc việc bỏ phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được mở hòm phiếu để kiểm phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bầu cử kết thúc, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 23 của Thông tư này. Chỉ những thành viên Tổ bầu cử mới được tiến hành việc kiểm phiếu bầu cử. Tổ bầu cử phải hoàn thành việc kiểm phiếu trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi kết thúc việc bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu.

- Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, niêm phong phiếu bầu chưa sử dụng và phiếu bầu do cử tri viết hỏng (nếu có), lập biên bản thống kê việc sử dụng phiếu bầu cử theo biểu mẫu của Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành; toàn bộ phiếu bầu chưa sử dụng, phiếu bầu do cử tri viết hỏng sau khi niêm phong được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Tổ trưởng Tổ bầu cử mở hòm phiếu chính và hòm phiếu phụ (nếu có) để tiến hành việc kiểm phiếu. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử mời 02 cử tri là người biết chữ, có uy tín trong Nhân dân tại địa bàn và không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu đó chứng kiến việc mở hòm phiếu.

- Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu; các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu của Tổ bầu cử, nhưng phải đảm bảo khoảng cách an toàn để Tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu.

- Đăng ký tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu quy định tại khoản 5 Điều này được thực hiện như sau:

a) Người ứng cử xuất trình Thẻ Căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử xuất trình văn bản phân công, chỉ định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức đơn vị và Thẻ Căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; người được ủy nhiệm xuất trình giấy ủy quyền và Thẻ Căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; phóng viên báo chí xuất trình thẻ nhà báo còn hiệu lực và văn bản phân công hoặc giấy giới thiệu của cơ quan báo chí với Tổ trưởng Tổ bầu cử.

b) Trong quá trình chứng kiến việc kiểm phiếu, nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền khiếu nại, tố cáo tại chỗ với Tổ bầu cử. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Bầu cử.

c) Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp diễn ra thành công, tốt đẹp và đúng quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền lợi chính đáng của người ứng cử và các cá nhân, tổ chức có liên quan, người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có trách nhiệm liên hệ trước với Tổ bầu cử về việc tham dự chứng kiến kiểm phiếu; quan sát quá trình Tổ bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu từ vị trí đã được Tổ bầu cử bố

trí; tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử; bảo đảm an toàn, trật tự, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo với Tổ bầu cử nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình kiểm phiếu; Phóng viên báo chí có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về báo chí, nội quy phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử trong quá trình tác nghiệp; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; đưa tin, bài kịp thời, trung thực, chính xác về quá trình kiểm phiếu bầu cử để góp phần vào công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

9.7. Quy trình tổ chức kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại các điều 25, 26, 27 và 28 của Thông tư này. Tùy đặc thù của từng địa phương mà Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có hướng dẫn quy trình tổ chức kiểm phiếu cho phù hợp. Trường hợp có sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện việc kiểm phiếu thì Tổ bầu cử thực hiện quy trình kiểm phiếu theo hướng 26 dẫn của cơ quan có thẩm quyền của địa phương về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện việc kiểm phiếu.

10. Phân công nhiệm vụ kiểm phiếu cho các thành viên Tổ bầu cử

10.1. Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các thành viên Tổ bầu cử thành các nhóm để thực hiện việc kiểm phiếu. Đối với Tổ bầu cử đủ số lượng thành viên để phân thành từ ba nhóm trở lên thì phân công thực hiện như sau:

- Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội;
- Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Để việc kiểm phiếu được chính xác, mỗi nhóm nên bố trí 03 người, gồm: 01 người đọc kết quả phiếu bầu, 01 người ghi (tích) vào danh sách kiểm phiếu và 01 người kiểm tra việc đọc và ghi.

Đối với Tổ bầu cử không đủ số lượng thành viên để phân thành ba nhóm thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cho phù hợp.

10.2. Thư ký Tổ bầu cử tiến hành lập các biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

11. Phân loại phiếu bầu

11.1. Tổ bầu cử thực hiện việc phân loại phiếu bầu theo màu phiếu bầu đại biểu Quốc hội, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; kiểm kê (đếm) tổng số phiếu trong hòm phiếu để xác định số phiếu thu vào và bàn giao các loại phiếu cho các nhóm đã được phân công của Tổ bầu cử để bắt đầu việc kiểm phiếu.

11.2. Tổ bầu cử tiến hành kiểm tra tổng số phiếu thu vào so với tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu. Nếu tổng số phiếu thu vào bằng hoặc ít hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải kiểm tra lại; nếu kiểm tra lại vẫn cho kết quả tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì lập tức bỏ các phiếu bầu vào hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu và báo cáo ngay để Ban bầu cử giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban bầu cử thì Ban bầu cử phải kịp thời báo cáo Ủy ban bầu cử cùng cấp xem xét, quyết định.

11.3. Trước khi bắt đầu việc kiểm phiếu, Tổ bầu cử thực hiện phân loại phiếu bầu thành hai loại sau đây:

- a) Loại phiếu bầu hợp lệ;
- b) Loại phiếu bầu không hợp lệ.

11.4. Sau khi phân loại xong phiếu bầu, Tổ bầu cử phải ghi kết quả kiểm tra số phiếu bầu hợp lệ, số phiếu bầu không hợp lệ vào biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

12. Xác định phiếu bầu hợp lệ, phiếu bầu không hợp lệ, phiếu bầu hoặc không bầu cho người ứng cử

12.1. Phiếu bầu hợp lệ là phiếu phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau đây:

- a) Phiếu do Tổ bầu cử phát ra và có dấu của Tổ bầu cử;
- b) Phiếu bầu đủ số lượng đại biểu hoặc bầu ít hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;
- c) Phiếu không ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu không có ghi thêm nội dung khác.

12.2. Phiếu bầu không hợp lệ là những phiếu bầu thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật Bầu cử.

12.3. Căn cứ khoản 2 Điều 74 của Luật Bầu cử, Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ bầu cử xem xét đối với các phiếu bầu được xác định là phiếu bầu không hợp lệ trong các trường hợp sau đây:

- a) Phiếu có ghi thêm nội dung khác hoặc bị đánh dấu trên phiếu bầu;
- b) Phiếu mà việc gạch tên đè lên hàng chữ họ và tên của người ứng cử quá mờ không thể nhận biết rõ ràng;
- c) Phiếu bị hư, hỏng dẫn đến việc không thể xác định chính xác việc bầu cho những người ứng cử có ghi tên trên phiếu bầu;
- d) Các trường hợp khác do Tổ trưởng Tổ bầu cử đề xuất.

12.4. Về việc xác định phiếu bầu hoặc không bầu cho người ứng cử

a) Trường hợp phiếu bầu gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang nhưng gạch hết tất cả hàng chữ họ và tên của người ứng cử thì được tính là phiếu không bầu cho ứng cử viên đó;

b) Trường hợp cử tri không gạch cả hàng chữ họ và tên (chỉ gạch họ hoặc gạch tên đệm hoặc tên) của người ứng cử hoặc chỉ khoanh tròn, gạch dưới, gạch trên hàng chữ họ và tên của người ứng cử thì phiếu đó vẫn được tính là phiếu bầu cho người ứng cử đó;

c) Trường hợp trong phiếu bầu cử mà người ứng cử vừa có tên khai sinh vừa có tên thường gọi hoặc có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo, nếu cử tri chỉ gạch một dòng họ và tên khai sinh hoặc họ và tên thường gọi (chỉ gạch 1 dòng họ và tên khai sinh hoặc chức vị, pháp danh, pháp hiệu đối với chức sắc tôn giáo) thì phiếu đó được tính là phiếu không bầu cho người ứng cử đó.

13. Kiểm đếm số phiếu bầu cho từng người ứng cử

- Việc kiểm phiếu bầu cho từng người ứng cử chỉ thực hiện đối với những phiếu bầu hợp lệ. Các phiếu bầu hợp lệ được xếp thành các loại, gồm: Loại phiếu bầu 01 đại biểu; loại phiếu bầu 02 đại biểu; loại phiếu bầu 03 đại biểu,...

- Tổ bầu cử kiểm phiếu theo từng loại phiếu bầu quy định tại khoản Điều này để làm căn cứ xác định số phiếu bầu cho từng người ứng cử.

- Cách ghi số phiếu cho từng người ứng cử tham khảo theo cách vẽ lần lượt các hình vuông và một đường chéo, cứ 05 phiếu tạo thành một hình vuông có một đường chéo.

14. Niêm phong và quản lý phiếu bầu sau khi kiểm phiếu

14.1. Sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử tiến hành niêm phong phiếu bầu theo từng loại phiếu bầu đại biểu Quốc hội, phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

a) Số phiếu bầu hợp lệ;

b) Số phiếu bầu không hợp lệ;

c) Số phiếu bầu không sử dụng đến, phiếu viết hỏng của cử tri.

14.2. Toàn bộ số phiếu đã được niêm phong quy định tại khoản 1 Điều này phải được Tổ bầu cử cho vào hòm phiếu và làm thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, lưu trữ theo quy định, việc bàn giao hòm phiếu phải có biên bản giao nhận.

14.3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, lưu trữ các loại phiếu bầu, hòm phiếu của các Tổ bầu cử ở địa phương mình. Trong thời gian quản lý hòm phiếu (bao gồm các loại phiếu bầu) theo quy định pháp luật về lưu trữ (ít

nhất là 05 năm) nếu không có ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì tuyệt đối không được mở và kiểm tra phiếu bầu đã được niêm phong trong hòm phiếu.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện việc số hóa hồ sơ, tài liệu bầu cử sau khi tiếp nhận để phục vụ công tác tra cứu, khai thác, sử dụng về sau, bảo đảm nguyên tắc an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định.

15. Về lập biên bản kết quả kiểm phiếu của Tổ bầu cử

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của Tổ bầu cử thực hiện theo các biểu mẫu kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các loại mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 31 của Thông tư này, việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu từ các khu vực bỏ phiếu (bao gồm cả các khu vực bỏ phiếu sớm) do các Tổ bầu cử gửi đến để lập biên bản xác nhận kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử chỉ được Ban bầu cử tiến hành sau ngày 15 tháng 3 năm 2026 và thực hiện theo quy định tại Điều 77 của Luật Bầu cử.

16. Việc tổ chức bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu sớm

- Trường hợp phải tổ chức bỏ phiếu sớm cho cử tri do đặc thù như thực hiện nhiệm vụ, công việc trên biển, hải đảo hoặc do các đặc thù khác thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có văn bản báo cáo xin ý kiến đồng ý của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Ngay sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia có văn bản đồng ý thực hiện việc bỏ phiếu sớm, đề nghị chính quyền địa phương và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương có tổ chức bỏ phiếu sớm khẩn trương ban hành kế hoạch, phương án tổ chức việc bỏ phiếu sớm và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về bầu cử. Các Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri thuộc khu vực bỏ phiếu sớm biết về ngày bầu cử sớm đã được Hội đồng bầu cử quốc gia xác định, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức niêm yết, phát thanh và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương. Các tổ chức phụ trách bầu cử phải rà soát lại toàn bộ các công việc cần thực hiện trước, trong và sau ngày bầu cử, bảo đảm thời gian hoàn thành đúng quy định của pháp luật.

- Thời gian bỏ phiếu, nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu đối với bầu cử sớm thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và theo quy định của Thông tư này.

- Việc kiểm phiếu và bảo quản hòm phiếu, phiếu bầu tại khu vực bỏ phiếu sớm thực hiện như sau:

a) Trong ngày bầu cử, ngay sau khi cuộc bầu cử kết thúc, Tổ bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, thực hiện niêm phong

theo đúng quy định tại Mục 1 Chương VIII của Luật Bầu cử, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và Thông tư này;

b) Biên bản kiểm phiếu ở khu vực bỏ phiếu sớm phải được Tổ bầu cử niêm phong, gửi đến các Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chậm nhất là 03 ngày sau ngày bầu cử sớm. Trường hợp đặc biệt do khoảng cách địa lý cách trở, do thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh mà Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu sớm không thể gửi biên bản kết quả kiểm phiếu theo thời hạn nêu trên thì có thể gửi muộn hơn, nhưng chậm nhất là ngày 18 tháng 3 năm 2026 phải gửi đến các Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để tổng hợp kết quả chung của đơn vị bầu cử;

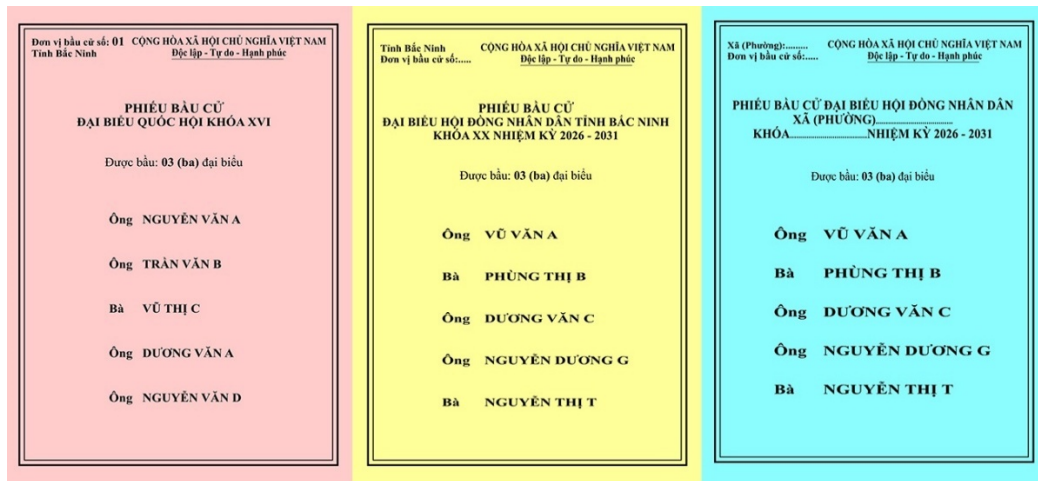
c) Sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu sớm phải tiến hành niêm phong phiếu bầu, cho vào hòm phiếu, làm 30 thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý theo quy định tại Điều 29 của Thông tư này;

d) Không làm lộ lọt kết quả kiểm phiếu ở các khu vực bỏ phiếu sớm để tránh ảnh hưởng đến khu vực bỏ phiếu khác trong cùng đơn vị bầu cử. Các Ban bầu cử và Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã khi nhận được biên bản kết quả kiểm phiếu ở khu vực bỏ phiếu sớm do Tổ bầu cử gửi đến có trách nhiệm bảo quản theo chế độ tài liệu mật và chỉ được mở bì niêm phong biên bản kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc bầu cử vào ngày 15 tháng 3 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;

đ) Trường hợp toàn bộ khu vực bỏ phiếu của một đơn vị bầu cử đều được Hội đồng bầu cử quốc gia cho phép thực hiện bỏ phiếu sớm và đã hoàn thành việc bỏ phiếu sớm thì Ban bầu cử mở bì niêm phong biên bản kết quả kiểm phiếu và lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử đó theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

II. QUY ĐỊNH MÀU SẮC PHIẾU BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP, NHIỆM KỲ 2026- 2031 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh đã ký ban hành Công văn số 26/UBND-NC quy định màu sắc phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026-2031, nhằm thống nhất trong công tác tổ chức bầu cử trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.



(Quy định màu sắc phiếu bầu cử)

Theo Công văn, việc quy định màu sắc phiếu bầu cử được thực hiện căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử; Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 của Hội đồng bầu cử Quốc gia quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

UBND tỉnh quy định màu sắc phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể:

- Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI (mẫu số 13/HĐBC-QH) được in màu hồng;
- Phiếu bầu cử đại biểu HĐND tỉnh (mẫu số 14/HĐBC-HĐND) được in màu vàng;
- Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã (mẫu số 15/HĐBC-HĐND) được in màu xanh.

UBND tỉnh yêu cầu Ủy ban bầu cử tỉnh, Sở Nội vụ, UBND và Ủy ban bầu cử các xã, phường căn cứ nội dung Công văn để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm công tác chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh đúng quy định, thống nhất, chặt chẽ và hiệu quả./.

Ghi chú: Các văn bản nêu trên được đăng tải trên các Website, Cổng thông tin điện tử như:

- Cổng thông tin điện tử Hội đồng bầu cử quốc gia: <https://hoidongbaucu.quochoi.vn>
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: <https://vanban.chinhphu.vn>;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh: <https://bacninh.gov.vn>;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh: <https://stp.bacninh.gov.vn>.
- Cổng thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Bắc Ninh: <https://pbgdpl.bacninh.gov.vn>.